

***CÁC QUY ĐỊNH VÀ CHÍNH SÁCH ĐIỀU CHỈNH VIỆC SỬ
DỤNG NĂNG LƯỢNG VÀ GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ
KÍNH TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM***



TRẦN HÀ NINH

Phòng Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và Bảo vệ tầng ô-dôn
Cục Biến đổi Khí hậu
Bộ Tài nguyên và Môi trường

PHÁT THẢI KNK VIỆT NAM NĂM 2010, 2014 VÀ 2016

Đơn vị: Nghìn tấn CO₂tđ

Các lĩnh vực		2010	2014	2016
Tổng phát thải		264.210,67	278.659,70	316.734,96
1	Năng lượng	151.879,06	175.540,20	205.832,20
2	Các quá trình công nghiệp và tiêu thụ sản phẩm (IPPU)	25.844,05	38.732,71	46.094,64
3	Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Sử dụng đất khác (AFOLU)	68.710,81	44.997,92	44.069,74
4	Chất thải	17.776,74	19.388,87	20.738,38

Nguồn: Vietnam BUR3

Lĩnh vực năng lượng: phát thải năm 2016 tăng 17,3% hay 30.292,00 nghìn tấn CO₂tđ so với năm 2014 và tăng **35,5%** hay 53.953,14 nghìn tấn CO₂tđ so với năm 2010.

KỊCH BẢN PHÁT TRIỂN THÔNG THƯỜNG (BAU) CỦA NGÀNH NĂNG LƯỢNG ĐẾN NĂM 2050

Đơn vị: Triệu tấn CO₂tđ

Các nguồn phát thải	Năm							
	2014	2020	2025	2030	2035	2040	2045	2050
Sản xuất và xây dựng	49,4	66,9	114,2	257,5	301,4	359,9	407,4	455,8
Giao thông vận tải	33,2	47,7	65,1	89,1	118,4	152,7	192,5	241,4
Thương mại, Nông nghiệp và Dịch vụ	13,6	18,1	25,1	41,2	56,1	73,3	89,5	109,3
Ngành Công nghiệp năng lượng	75,4	214,8	296,3	290,6	355,2	386,8	413,0	403,8
TỔNG LƯỢNG PHÁT THẢI	171,6	347,5	500,7	678,4	833,8	972,7	1.102,4	1.210,3

Nguồn: CLQG về biến đổi khí hậu đến năm 2050

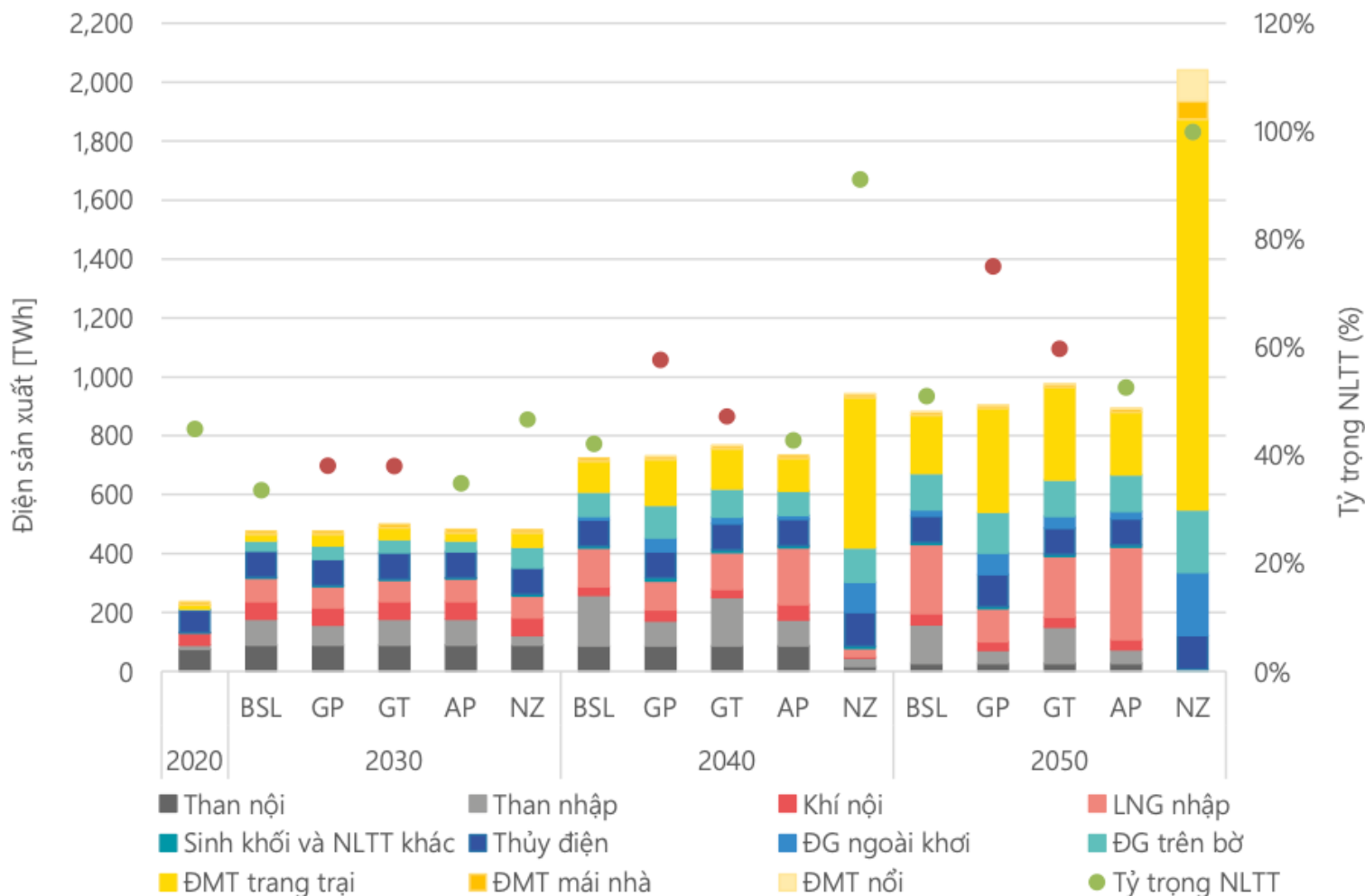
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỦA VIỆT NAM VỀ TRIỂN KHAI CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA COP26

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 - Quyết định số 888/QĐ-TTg phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (Hội nghị COP26) nhằm:

- Chủ động tham gia xu thế toàn cầu phát triển các-bon thấp;
- huy động nguồn lực, đổi mới công nghệ để chuyển dịch mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế;
- đóng góp vào nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu;
- Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp toàn diện ứng phó với biến đổi khí hậu và chuyển dịch năng lượng nhằm thực hiện cam kết đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.



KỊCH BẢN PHÁT TRIỂN THÔNG THƯỜNG (BAU) CỦA NGÀNH NĂNG LƯỢNG ĐẾN NĂM 2050



KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỦA VIỆT NAM VỀ THỰC THỊ CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA COP26



REDUCING OUR
GREENHOUSE GAS EMISSIONS



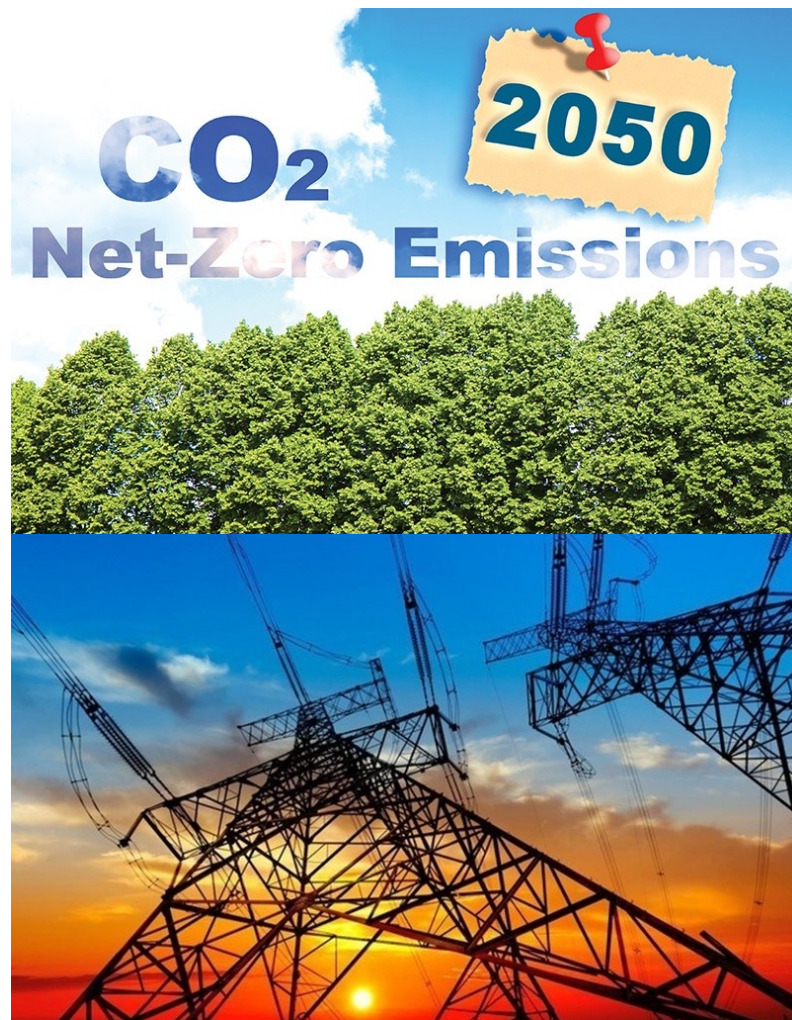
CÁC MỤC TIÊU LIÊN QUAN ĐẾN NĂNG LƯỢNG

- Đến năm 2030, khuyến khích sử dụng điện, năng lượng xanh trong giao thông vận tải, sử dụng 100% xăng E5; giảm 32,6% lượng phát thải khí nhà kính trong năng lượng (so với kịch bản BAU).
- Hiện thực hóa tiềm năng năng lượng sóng và gió ngoài khơi; xác định các khu vực biển thu hút đầu tư, triển khai, vận hành các dự án điện gió trên biển;
- Các nguồn năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối) chiếm tối thiểu 33% tổng sản lượng điện phát; giảm nguồn nhiên liệu hóa thạch;
- Phát triển các dự án năng lượng mới không phát thải như nhiên liệu hydro, amoniac xanh,... phục vụ pt kt-xh
- Phát triển công nghệ lưu trữ năng lượng (ắc quy, thủy điện, lưu trữ nhiệt, lưới điện thông minh); đảm bảo ổn định và tích hợp năng lượng tái tạo trong hệ thống điện với tốc độ cao.

CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2050

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, Quyết định số 896/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 nhằm

- **Chủ động thích ứng hiệu quả**, giảm mức độ dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu;
- giảm phát thải khí nhà kính theo **mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050**,
- **đóng góp tích cực và trách nhiệm** với cộng đồng quốc tế trong bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất;
- **tận dụng cơ hội từ ứng phó biến đổi khí hậu** để chuyển dịch mô hình tăng trưởng, nâng cao sức chống chịu và cạnh tranh của nền kinh tế.



CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2050

Đến năm 2030, giảm phát thải khí nhà kính 43,5% so với kịch bản BAU

- **Lĩnh vực năng lượng**, giảm 32,6% và không vượt quá 457 triệu tấn CO₂td.
- **Lĩnh vực nông nghiệp**, giảm 43,0% và không vượt quá 64 triệu tấn CO₂td.
- **Lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất**, giảm 70% và hấp thụ carbon tăng 20%, ít nhất - 95 triệu tấn CO₂td.
- **Lĩnh vực chất thải**, giảm 60,7% và không vượt quá 18 triệu tấn CO₂td.
- **Công nghiệp hoá**, giảm 38,3% và không vượt quá 86 triệu tấn CO₂td.
- Các cơ sở có lượng phát thải khí nhà kính hàng năm từ 2.000 tấn CO₂td trở lên phải giảm phát thải khí nhà kính.

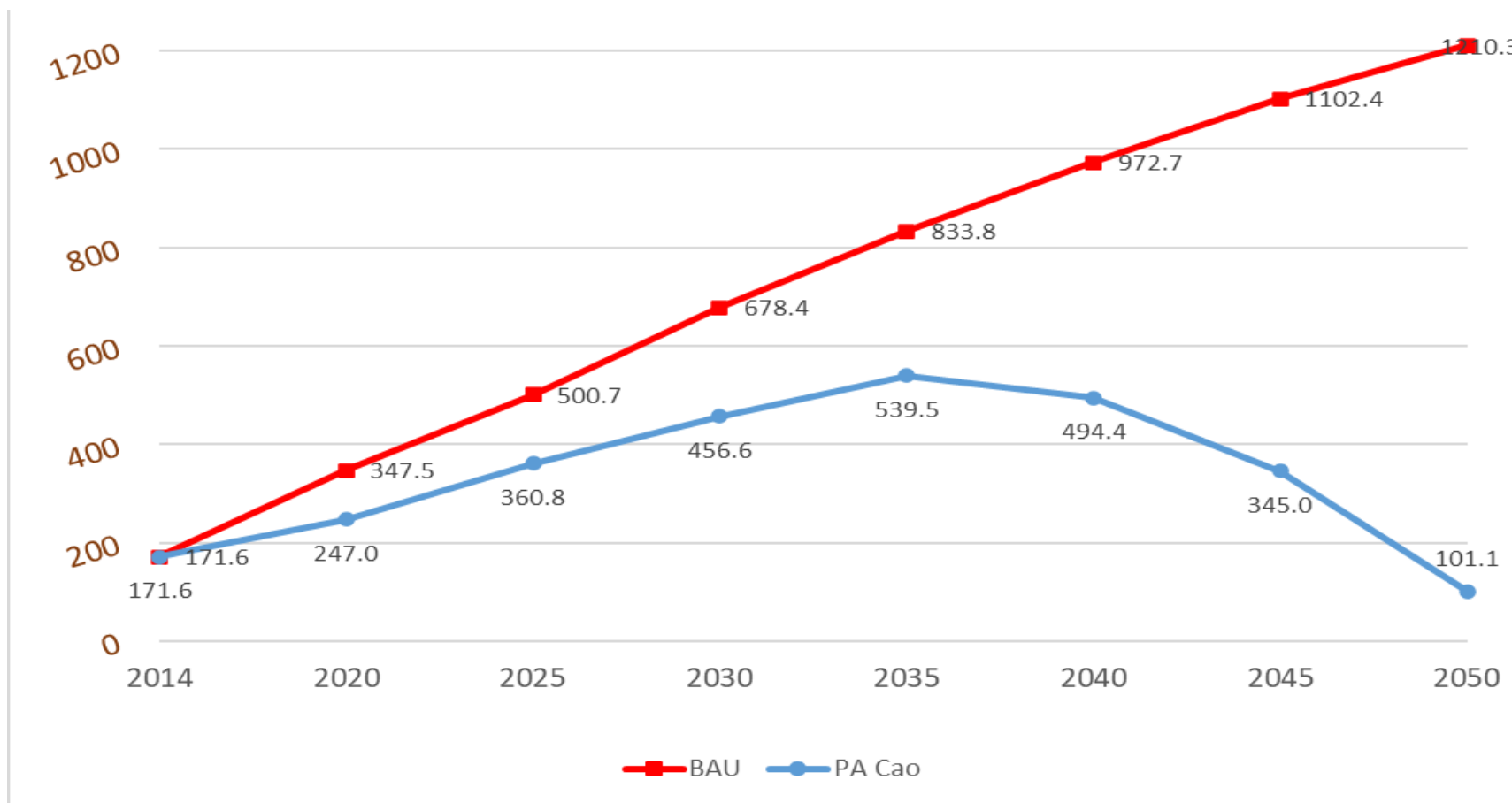
CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2050

Đến năm 2050, lượng khí thải ròng bằng không (cao nhất vào năm 2035)

- **Lĩnh vực năng lượng**, giảm 91,6% và không vượt quá 101 triệu tấn CO₂td.
- **Lĩnh vực nông nghiệp**, giảm 63,1% và không vượt quá 56 triệu tấn CO₂td.
- **Lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất**, giảm 90% và hấp thụ các-bon sẽ tăng 30%, tổng cộng ít nhất -185 triệu tấn CO₂td.
- **Lĩnh vực chất thải**, giảm 90,7% và không vượt quá 8 triệu tấn CO₂td.
- **Các quy trình công nghiệp**, giảm 84,8% và sẽ không vượt quá 20 triệu tấn CO₂td.
- Các cơ sở có lượng phát thải khí nhà kính hàng năm từ 200 tấn CO₂td trở lên phải giảm phát thải khí nhà kính.

KỊCH BẢN BAU vs KỊCH BẢN GIẢM THIỂU CAO CHO NGÀNH NĂNG LƯỢNG ĐẾN NĂM 2050

Đơn vị: Triệu tấn CO₂tđ



Nguồn: CLQG về bđkh gđ đến 2050

CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2050

GIẢM PHÁT THẢI KNK TRONG NGÀNH NĂNG LƯỢNG

Sử dụng năng lượng

- Tăng cường các giải pháp sử dụng năng lượng hiệu quả và thúc đẩy chuyển dịch sang năng lượng sạch;
- Tăng tỷ lệ thâm nhập của các thiết bị tiết kiệm năng lượng và hiệu suất cao, sử dụng hydro thay thế than đá;
- Điện khí hóa nông nghiệp và thiết bị tiết kiệm năng lượng trong chuỗi sản xuất nông nghiệp sau thu hoạch.
- Phát triển các công trình, nhà ở chống nóng, sử dụng các giải pháp làm mát xanh, thân thiện với thiên nhiên, sử dụng vật liệu xây dựng ít phát thải, vật liệu tái chế.
- Xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn sử dụng năng lượng hiệu quả cho các tòa nhà;
- Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng của thiết bị và hệ thống dây chuyền lạnh;
- Sử dụng năng lượng hiệu quả trong giao thông vận tải thông qua áp dụng tiêu chuẩn tiêu thụ nhiên liệu, lộ trình chuyển sang sử dụng nhiên liệu sạch cho các phương tiện giao thông, xe điện và hydro.
- Tái cơ cấu thị trường vận tải, vận tải đường bộ đến đường thủy nội địa và ven biển; vận tải đường bộ sang đường sắt, tăng hiệu quả vận tải;
- Chuyển từ phương tiện cá nhân sang phương tiện công cộng; triển khai hệ thống tàu điện ngầm tại các thành phố lớn.

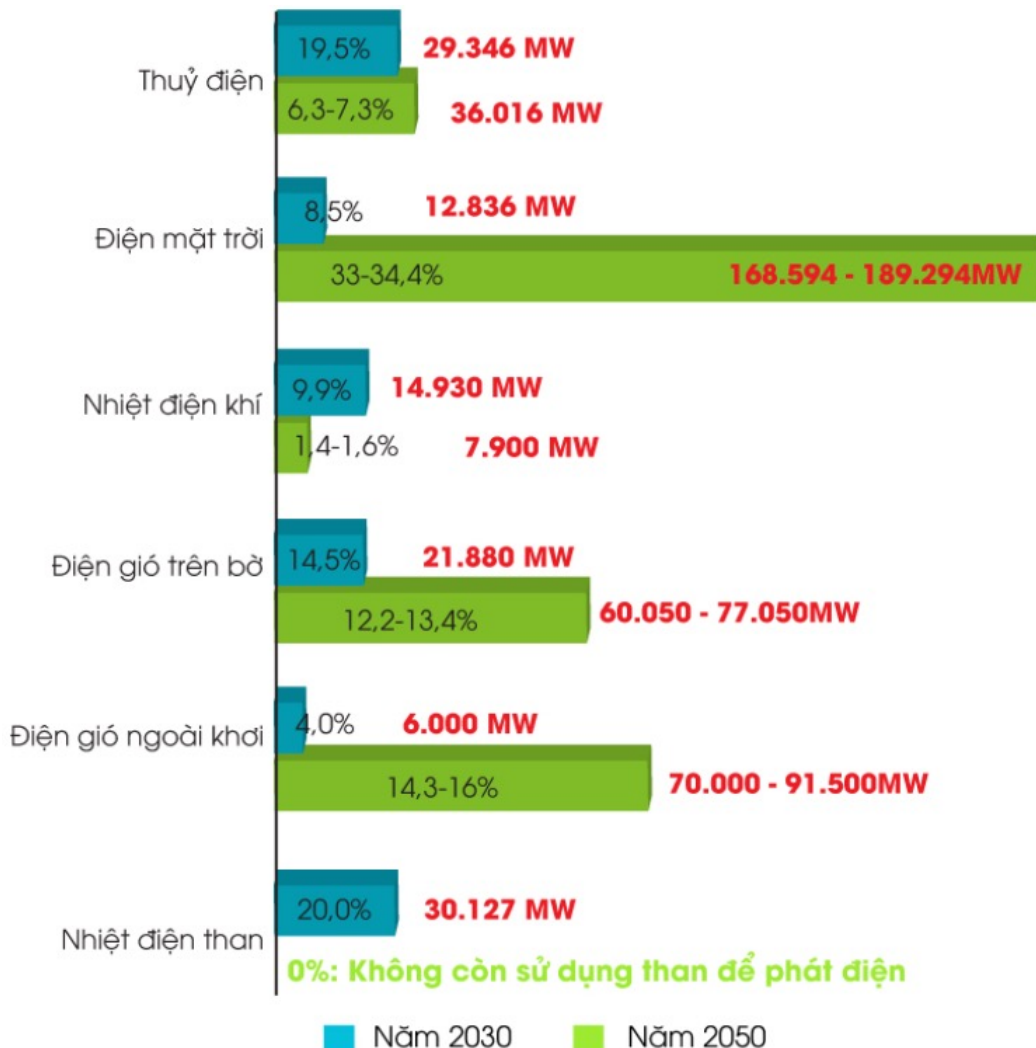
QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(theo Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ)

- Phát triển điện lực theo nguyên tắc tối ưu tổng thể các yếu tố về nguồn điện, truyền tải điện, phân phối điện, sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, có lộ trình phù hợp đi đôi với bảo vệ tài nguyên, môi trường và chuyển đổi mô hình kinh tế, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia với chi phí thấp nhất.
- Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước, kết hợp với xuất, nhập khẩu hợp lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng. Coi phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới là cơ hội để phát triển tổng thể hệ sinh thái công nghiệp năng lượng.



QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050



Mục tiêu chung:

- Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Thực hiện thành công chuyển đổi năng lượng công bằng gắn với hiện đại hóa sản xuất, xây dựng lưới điện thông minh, quản trị hệ thống điện tiên tiến, phù hợp với xu thế chuyển đổi xanh, giảm phát thải, phát triển khoa học công nghệ của thế giới.
- Hình thành hệ sinh thái công nghiệp năng lượng tổng thể dựa trên năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

Các giải pháp liên quan đến sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Tăng cường nhận thức sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường là quốc sách quan trọng và trách nhiệm của toàn xã hội như tinh thần Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị.
- Khuyến khích đầu tư và sử dụng công nghệ, trang thiết bị tiết kiệm năng lượng; tăng cường kiểm toán năng lượng; đẩy mạnh triển khai mô hình các công ty dịch vụ năng lượng.
- Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài về sử dụng điện hiệu quả đối với những lĩnh vực, ngành có mức tiêu thụ điện cao.
- Đẩy mạnh thực hiện các chương trình Quản lý nhu cầu điện (DSM), chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Các vấn đề chính cần xem xét

- **Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng** mang lại những thành quả dễ đạt được ngay lập tức;
- Cần tiếp cận một cách có hệ thống để **huy động một dòng tài chính đủ lớn** cho quá trình chuyển đổi năng lượng;
- Cần **cải cách môi trường đầu tư** kịp thời và theo ngành cụ thể để huy động sự tham gia khu vực tư nhân;
- **Ban hành các quy định hỗ trợ tài chính cho khu vực công**, bao gồm phân bổ nguồn vốn ODA và quỹ khí hậu cho lĩnh vực này, nơi nó bổ sung và thúc đẩy khu vực tư nhân, chẳng hạn như phát triển lưới điện, các dự án PPP, là điều cần thiết.
- **Hoàn thiện cơ sở dữ liệu** liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm để có dữ liệu nền cần thiết **phục vụ cho hoạt động kiểm kê khí nhà kính**.
- **Chuẩn bị sẵn sàng cho thị trường các-bon trong nước**.

Cảm ơn quý đại biểu đã chú ý lắng nghe!



Cục Biến đổi khí hậu
Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam